**TRÀNG GIANG**

**(Huy Cận)**

1. **Vài nét về tác giả, tác phẩm**

* Sinh ra trong gia đìnhnhà nho nghèo gốc ở Hà Tĩnh. Trước Cách mạng, Huy Cận là nhà thơ lãng mạn, là hồn thơ “ảo não” thường tìm đến những cảnh thiên nhiên mênh mang hiu quạnh gợi cảm giác buồn bã, cô đơn.
* Bài thơ trích từ tập “Lửa thiêng” – tập thơ đầu tay của Huy Cận xuất bản năm 1940. Bao trùm tập thơ là nỗi buồn mênh mang da diết
* Bài thơ Tràng giang sáng tác năm 1939, cảm xúc khơi nguồn từ một buổi chiều khi Huy Cận đứng ở bờ nam bến Chèm nhìn sông Hồng sóng nước mênh mông mà cảm thương cho kiếp người trôi nổi bơ vơ

**II. Về tên đề bài thơ và câu thơ đề từ**

**1. Tên đề bài thơ là Tràng Giang**

- Tràng Giang có nghĩa là sông dài. Tác giả sử dụng từ hán việt gợi sắc thái cổ kính, trang nhã.

- Hai chữ Trường giang thường gặp trong Đường Thi nên còn gợi sự liên tưởng. Con sông dài, có từ xa xưa trở nên con sông muôn thở vĩnh hằng/dường như dài rộng hơn bát ngát hơn đồng thời cũng gợi cảm và nên thơ. Thế nhưng HC lại lấy tên là Tràng giang có hai âm “ang” đi liền nhau đã tô đậm sự mênh mông bát ngát của con sông lớn.

**2. Câu thơ đề từ**: *Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài* là câu thơ thâu tóm khá đầy đủ cả tình (*bâng khuâng thương nhớ*) và cảnh *(trời rộng sông dài*) của bài thơ đồng thời cũng gợi ra tình cảnh chung tâm trạng chung của cả bài thơ:

Nỗi buồn mênh mang da diết trước thiên nhiên bao la trống vắng

**III. Bình giảng bài thơ**

**A. Giới thiệu**

**B. Bình giảng**

**1. Khổ 1:**

Bài thơ mở ra với cảnh tượng sóng nước mênh mông bát ngát

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp*

HC có dụng ý nghệ thuật khi dùng từ tràng giang giàu sức gợi tả hai âm ang đi liền nhau làm tăng độ rộng, thêm sức dài của dòng sông gợi sự vô viên vô cùng vô tận của không gian. Đồng thời cách dùng từ Hán việt cũng gợi đc không khí cổ kính, trang nhã hay gặp trong đường thi.

Mặt sông có sóng nhưng là những con sóng gợn nối tiếp nhay miên man không dứt như nỗi “buồn điệp điệp”: nỗi buồn âm thầm mà da diết không nguôi, trên dòng sông mênh mông ấy con thuyền sao nhỏ bé đang xuôi dòng không định hướng: “con thuyền xuôi mái nước song song”.

Cái lẻ loi của con thuyền nhỏ càng làm nổi bất cái mênh mang, hoang vắng cảu sông rộng hay cái mênh mang của sông càng tô đậm cảm giác lẻ loi cô đơn của con thuyền đang xuôi dòng. Hai từ láy “điệp điệp” và “song song” ở cuối câu 1 và câu 2 đã tạo được cái sư ba vì âm hưởng vẫn còn vang vọng như dội mãi vào cõi vô biên.

Thuyền và nước vốn là hai thực thể gần gũi thế nhưng ở đây có sự chia lìa, xa cách đang đón đợi: “thuyền về” – “nước lại”. Cuối cùng chỉ còn lại trên sông nỗi sầu trăm ngã.

Ở câu thơ thứ 4, có một hình ảnh lạ trong thơ mà quen trong đời thường, một chi tiết có thể nói là vụn vặt tầm thường nhưng câu thơ được coi là tuyệt bút: “Củi một cành khô lạc mấy dòng”. Cành củi lạc từ vùng thượng nguồn nào mà phải trôi nổi qua bao nhiêu sông suối và bây giờ còn phải “lạc mấy dòng” phiêu dạt bấp bênh. Nhà thơ đã đẩy cao, càng tăng dần đến mức tuyệt đối sự nhỏ nhoi cô độc không còn sức sống của một cành củi khô -> Câu thơ đầy nỗi ám ảnh giống như biểu tượng của kiếp người lênh đênh giữa dòng đời vô định.

**\*Sơ kết**: *Khổ thơ giàu tính nhạc với sự hoán vị bằng trắc đều đặn, gieo vần gián cách, cấu trúc cân đối, thể hiện nỗi buồn thấm đẫm trước sông nước mênh mông, một nỗi buồn lẻ loi trôi nổi, tan tác.*

**2. Khổ 2**:

Bức tranh tràng giang có thêm nhiều chi tiết: cồn đất, gió thổi, tiếng chợ chiều, làng xóm bến sông nhưng không khiến không gian trở nên sinh động, rộn ràng. Tất cả chỉ làm cho cảnh vốn đã mênh mông hiu quạnh nay càng thêm hiu quạnh, mênh mông. Bởi vì: “Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu”. Cồn nhỏ mà cây cối chỉ lơ thơ lại thêm gió đìu hiu đầy buồn bã. Các từ láy “lơ thơ”, “đìu hiu” được dùng rất đắt vừa có giá trị tạo hình vắng lặng vừa giàu khả năng diễn đạt tâm trạng buồn bã hiu hắt.

Giữa cảnh hiu quạnh nhà thơ như muốn kiếm tìm một âm thanh nhưng sao chẳng có: “*Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều*”. Bao nhiêu là xa xăm, mơ hồ trong sụ kiếm tìm vô vọng ấy. Câu thơ nói lên niềm khao khát biết bao của nhà thơ, biết tìm đâu sự sống, niềm vui giữa một không gian vắng lặng này.

Câu thơ thứ 3 với hình ảnh thơ khác thường:

*“ Nắng xuống trời lên sâu chót vót/ Sông dài trời rộng bến cô liêu”*

Chữ sâu thật khác lạ tưởng như đặt không đúng chỗ nhưng kì thực đã thể hiện cái nhìn tâm tưởng của nhà thơ. Không gian 3 chiều vũ trụ chiều cao, chiều rộng, chiều sâu như càng tỏa rộng thêm ra càng sâu hun hút. Hình thức đối của cổ thi được sử dụng khá linh hoạt trong hai câu thơ tạo nên sự hài hòa về hình ảnh và nhịp điệu: trên là cao, sâu; dưới là dài, rộng.

Giữa không gian cao rộng mênh mông là một bến cô liêu thật hoang vắng, lẻ loi. Nỗi buồn nhà thơ như thấm sâu vào cảnh vật, nỗi cô đơn đến rợn ngợp tâm hồn thấy mình bé nhỏ trơ trọi giữa cái bao la của vũ trụ.

\***Sơ kết**: *Phép tiểu đối, cảm hứng vũ trụ đã cho thấy tràng giang vốn đã mênh mông lại càng nới rộng ra đến vô tận, cái bến sông càng nhỏ nhoi, vắng vẻ càng buồn cô liêu.*

**Khổ 3**:

“*Bèo dạt về đâu hàng nối hàng”*

- Muôn thuở cánh bèo đã gợi cảnh trôi nổi lạc loài mà Huy Cận còn hỏi về đâu như tăng thêm nỗi bấp bênh vô định. Câu thơ gợi ta liên tưởng đến hình ảnh “bèo dạt mây trôi”, hình ảnh trong câu ca xưa lại trở về với cuộc đời và câu thơ hiện đại. Mà phải một cánh bèo mà “*hàng nối hàng*” như đang cùng chịu chung số phận long đong hay ẩn trong cảnh là tâm trạng của nhà thơ Huy Cận và cũng là của lớp trẻ của những năm 30, 40 của thế kỉ XX cảm thầy hoang man choáng ngợp khi thấy mình phiêu bạt giữa cuộc đời.

- Đã thế giữa mênh mông tràng giang lại “*không một chuyến đò ngang*”, không một cây cầu: Nhà thơ kiếm tìm và khao khát biết bao tín hiệu giao hòa cho lòng bớt cô đơn mà sao vắng vẻ xa cách quá. Lại thêm tính từ “mênh mông” được đảo ngữ ra phía trước như đẩy đôi bờ xa thêm. Hai bờ hiện hữu như người cô đơn không bao giờ được gặp nhau.

- Cuối cùng chỉ còn thấy: “Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng”. Câu thơ tuy lắm màu sắc mà như tô đậm thêm nỗi trống trải, hiu quạnh vì chỉ có bờ bãi tiếp nối nhau trong lặng lẽ.

**\*Sơ kết**: *Khổ thơ thể hiện nỗi khát khao giao cảm với đời, với người mà đành chịu cảnh cô đơn trống vắng. Đó là nỗi buồn trước thiên nhiên hay là nỗi buồn của thế hệ nhà thơ cảm thấy bơ vơ, lạc lõng giữa dòng đời.*

**Khổ 4**:

Thiên nhiên trong buổi hoàng hôn hiện lên với vẻ đẹp kì vĩ, tráng lệ: “Lớp lớp mây cao đùn núi bạc”. Cảnh thực nhưng cách miêu tả của Huy Cận thật tài tình nên câu thơ mới sinh động đến thế. Mây trắng hết lớp này đến lớp khác dồn tụ lại thành núi bạc trắng xóa, ánh chiều trước khi vụt tắt bừng lên chiếu rọi một vẻ đẹp rực rỡ. Chữ “đùn” trong câu thơ rất sinh động vì tả mây mà như có sức đẩy bên trong cứ trồi ra hết lớp này đến lớp khác nhiều đến như núi.

- Nhưng đối lập lại hình ảnh “chim nghiêng cánh nhỏ” hiện ra thật mỏng manh, tội nghiệp. Càng bé nhỏ hơn khi tưởng như cảnh chim không mang nổi bóng chiều đang sa xuống mà cánh chim đơn chiếc còn nói lên sự lẻ loi, nhỏ nhoi trước thiên nhiên bao la rộng lớn.

- Hoàng hôn xuống dần trong nỗi sầu dâng cao: “*Lòng quê dờn dợn vời con nước/ Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”.* Câu thơ mang âm hưởng Đường thi có điều ngày trước Thôi Hiệu viết là: “Quê hương khuất bóng hoàng hôn/ Trên sông khói sóng chokbuồn lòng ai”. Như thế, nỗi nhớ quê không cần sự tác động của ngoại cảnh mà tiềm tàng âm ỉ bên trong như lớp sóng ngầm. Có thể nói đó là tình yêu quê hương tha thiết mà kín đáo vẫn ẩn sâu trong lòng nhà thơ đã tạo nên âm hưởng cho cả bài thơ.

- Dòng sông chảy mênh mang giữa đất trời đến đây bỗng dội lên một tiếng sóng khác: tiếng sóng của lòng quê. Con sóng *dợn dợn* trên mặt nước hay nỗi nhớ quê bỗng dợn lên như sóng trong tâm hồn. Hơn nữa từ láy *dợn dợn* đã gợi đến sự liên tiếp, miên man của nỗi sầu không dứt. Và tràng giang chính là cái cớ để Huy Cận gởi gắm, bày tỏ nỗi niềm u buồn đang chất chứa trong lòng khi nhìn thấy cảnh trời mây non nước của quê hương mà chạnh lòng nhớ thương.

**Kết luận:**

* Bài thơ có nhiều cái không: không tiếng người, không chuyến đò, không cây cầu, không cả một sợi khói hoàng hôn đã diễn tả cái trống rỗng, bơ vơ của nhà thơ ngay chính trên quê hương mình.
* Bức tranh Tràng giang cổ kính vừa quen thuộc, gần gũi, đó chính là chất cổ điển – hiện đại trong bài thơ.
* Từ ngữ chọn lọc, mang màu sắc cổ điển, âm hưởng mênh mang, chầm chậm như nhịp sóng nước tràng giang.
* Đằng sau nỗi buồn trước thiên nhiên, cảnh vật là tình yêu nước kín đáo mà sâu sắc của nhà thơ “*Tràng giang là bài thơ trữ tình và tình gặp cảnh, một bài thơ về tâm trạng”*